

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI CÔNG CUỘC GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1954 - 1975)

TRẦN THỊ MINH TUYẾT^(*)

Ngày nhận bài: 18/3/2025 Ngày thẩm định: 27/3/2025 Ngày duyệt đăng: 20/4/2025

Tóm tắt: *Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ cách đây 50 năm đã mở ra cho dân tộc kỷ nguyên độc lập tự do, thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Một trong những nguyên nhân đưa đến thắng lợi vĩ đại đó là vai trò to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trên cơ sở phân tích các khía cạnh khác nhau về vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc, bài viết khẳng định, Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là “linh hồn” của toàn bộ cuộc kháng chiến, là điểm tựa tinh thần để toàn Đảng, toàn quân, toàn dân vượt qua muôn vàn khó khăn, gian khổ, đi đến ngày toàn thắng.*

Từ khóa: *Hồ Chí Minh; giải phóng miền Nam; kháng chiến chống đế quốc Mỹ; năm 1975*

Kết thúc 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, mở ra kỷ nguyên thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, thắng lợi của cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ của nhân dân Việt Nam cách đây tròn nửa thế kỷ đã “đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc”⁽¹⁾. Việt Nam giành thắng lợi trong cuộc “đụng đầu trực diện” với siêu cường là đế quốc Mỹ đã làm thế giới kinh ngạc. “Chìa khóa” để “giải mã” sức mạnh của dân tộc Việt Nam trong thế kỷ XX nói chung, trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ nói riêng chính là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ngay cả khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đã “đi xa” thì khát vọng mãnh liệt về một đất nước thống nhất, với đường lối kháng chiến đúng đắn

cùng những dự báo chiến lược thiên tài và khả năng tạo dựng sức mạnh tổng hợp tài tình của Người cho cuộc kháng chiến vẫn là khởi nguồn cho “khúc ca khai hoàn” của dân tộc Việt Nam vào mùa Xuân năm 1975.

1. Chủ tịch Hồ Chí Minh với khát vọng giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm, độc lập thực sự nhất thiết phải gắn với thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. Đây là vấn đề mang tính nguyên tắc nên ở Hồ Chí Minh, ý chí bảo vệ độc lập dân tộc luôn song hành với ý chí đấu tranh thống nhất nước nhà. Trong mọi thời điểm lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn khẳng định: “không ai có thể chia rẽ nước Việt Nam ta”⁽²⁾. Trong *Tuyên ngôn Độc lập* năm 1945, với sự nhạy cảm chính trị, Người tuyên bố xóa bỏ những hiệp ước bất bình đẳng mà triều đình nhà Nguyễn đã ký với Pháp để ngăn chặn âm mưu tách Nam Bộ ra khỏi Việt Nam. Khi thực dân Pháp dùng vũ

^(*) PGS, TS, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

lực để tái chiếm Nam Bộ, Hồ Chí Minh tuyên bố: “Đồng bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi”⁽³⁾.

Nhằm giải quyết xung đột Việt - Pháp, Hồ Chí Minh chấp nhận nhân nhượng cho thực dân Pháp một số quyền lợi về kinh tế, văn hóa nhưng kiên quyết không nhượng bộ về lãnh thổ. Để bảo đảm lợi ích dân tộc, Người chỉ đạo đưa nguyên tắc thống nhất đất nước vào các bản Hiến pháp của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Điều 2 Chương 1 của Hiến pháp năm 1946 ghi rõ: “Đất nước Việt Nam là một khối thống nhất Trung Nam Bắc không phân chia”⁽⁴⁾. Đến Hiến pháp năm 1959, nội dung đó được ghi ở Điều 1 Chương 1 là vấn đề quan trọng nhất. Khi quyền thống nhất đất nước đã được hiến định thì mọi hành động chia rẽ đất nước đều là “vi hiến”; những kẻ chủ mưu chia rẽ đất nước đều là tội đồ của lịch sử, là “kẻ thù không đội trời chung” của nhân dân Việt Nam.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp gian khổ đã đưa đến việc ký kết Hiệp định Giơnevơ với điều khoản các nước tham gia Hội nghị cam kết tôn trọng nền độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba dân tộc Đông Dương. Đây là lần đầu tiên nền độc lập và quyền thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam được thừa nhận bởi một hiệp định đa phương quốc tế. Tuy nhiên, đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai đã phá bỏ hiệp định với dã tâm biến miền Nam Việt Nam thành “thuộc địa kiểu mới”, biến giới tuyến quân sự tạm thời thành biên giới quốc gia. Trước tình cảnh đất nước bị chia cắt, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Nam Bắc là một nhà, là anh em ruột thịt, quyết không thể chia cắt được”⁽⁵⁾; “nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, không ai có thể chia cắt được”⁽⁶⁾. Hồ Chí Minh - người luôn biểu đạt ý chí, nguyện vọng của dân chúng, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước trở thành khát vọng cháy bỏng của Người. Kẻ thù cố chia rẽ Nam - Bắc bao nhiêu thì ý chí hất đất nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh

mãnh liệt, bền bỉ bấy nhiêu. Người khẳng định: “Thống nhất nước nhà là con đường sống của nhân dân ta”⁽⁷⁾. Năm 1964, trong thơ chúc Tết, Người đã nói về sự gắn bó ruột thịt giữa hai miền Bắc Nam và nỗi mong mỏi ngày đất nước thống nhất: “Bắc Nam như cội với cành/ Anh em ruột thịt, đấu tranh một lòng/ Rồi đây thống nhất thành công/ Bắc Nam ta lại vui chung một nhà”⁽⁸⁾.

Trước việc đế quốc Mỹ ném bom miền Bắc hòng ngăn cản sự chi viện cho miền Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói với Đại tướng Võ Nguyên Giáp: “Dù nó ném bom hóa biển cũng phải giải phóng miền Nam cho kỳ được”⁽⁹⁾. Sau sự kiện Mậu Thân năm 1968, mục tiêu giải phóng miền Nam chưa đạt được, Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tục kêu gọi nhân dân: “Nhiệm vụ thiêng liêng của toàn dân ta lúc này là phải nâng cao tinh thần quyết chiến quyết thắng, quyết tâm giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc. Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu, quét sạch nó đi”⁽¹⁰⁾. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, phương pháp tiến hành chiến tranh giải phóng cần thay đổi cho phù hợp với diễn tiến thực tế nhưng mục tiêu giải phóng miền Nam là “bất biến”, bất kể chiến tranh ác liệt bao nhiêu và kéo dài bao lâu.

Là lãnh tụ tối cao của nhân dân, được nhân dân tin yêu tuyệt đối, khát vọng thống nhất đất nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trở thành ý chí của toàn Đảng, toàn quân và toàn thể nhân dân Việt Nam. “Không có gì quý hơn độc lập tự do” của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trở thành lời hịch thiêng liêng với toàn dân tộc và thổi bùng trong nhân dân Việt Nam chủ nghĩa anh hùng cách mạng.

Việt Nam không phải là dân tộc duy nhất trên thế giới bị chia cắt nhưng không phải dân tộc nào cũng đủ ý chí, năng lực chấm dứt bị kịch đó. Với bản lĩnh và uy tín “có một không hai”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã biến khát vọng của toàn dân tộc thành mục tiêu chiến lược của Đảng, hành động quật khởi của toàn dân và niềm mong ước không nguôi trong trái tim Người.

2. Chủ tịch Hồ Chí Minh - tổng công trình sư của đường lối giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước

Chiến tranh không chỉ là đấu lực, mà còn là sự đấu trí giữa các “bộ não” chỉ huy, trong đó việc xây dựng đường lối chiến tranh là “khâu” then chốt. Tổng kết cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, Đại hội lần thứ IV của Đảng đã khẳng định: “Thắng lợi vĩ đại của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta trước hết là thắng lợi của đường lối chính trị, đường lối quân sự độc lập, tự chủ đúng đắn và sáng tạo của Đảng ta”⁽¹¹⁾. Với cương vị là Chủ tịch Đảng, Chủ tịch nước, Hồ Chí Minh đóng vai trò quyết định trong việc hoạch định đường lối kháng chiến chống đế quốc Mỹ.

Để đánh giá đúng bản lĩnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta, cần thấu hiểu sự phức tạp của tình hình quốc tế và trong nước lúc đó. Sau cuộc chiến không phân thắng bại ở Triều Tiên, cả Liên Xô và Trung Quốc đều có chủ trương hòa hoãn với phương Tây. Với quan điểm “cùng tồn tại hòa bình”, họ đều không ủng hộ cuộc đấu tranh vũ trang ở miền Nam Việt Nam. Quan điểm của Liên Xô là muốn giữ nguyên hiện trạng hai miền Nam - Bắc; miền Bắc tập trung xây dựng chủ nghĩa xã hội để tạo ra đối trọng với miền Nam. Phía Trung Quốc lại muốn Việt Nam thực hiện chiến lược “trường kỳ mai phục”. Đại tướng Võ Nguyên Giáp từng kể lại: năm 1955, khi Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng các đồng chí Trường Chinh và Võ Nguyên Giáp sang thăm Trung Quốc, Đặng Tiểu Bình đã vỗ vai Đại tướng Võ Nguyên Giáp và nói: “Tổng Tư lệnh lo giữ miền Bắc, còn giải phóng miền Nam, phải một trăm năm nữa, hãy để cho thế hệ con cháu lo”⁽¹²⁾.

Hội nghị 64 Đảng Cộng sản và công nhân thế giới họp ở Mátxcova tháng 11/1957 với lời kêu gọi nhân dân thế giới chống chiến tranh càng làm lan tỏa tâm lý chống chiến tranh dưới mọi hình thức, không phân biệt chính nghĩa hay phi nghĩa. Rõ ràng, “quan điểm không nhất trí, thái độ không mặn mà lúc đó của bạn, trên thực tế đã ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình ta tìm kiếm con

đường và phương pháp để đưa cách mạng miền Nam tiến lên”⁽¹³⁾. Hơn nữa, để đề ra được đường lối kháng chiến đúng đắn, chúng ta phải hiểu rõ kẻ thù nhưng chủ nghĩa thực dân mới mà đế quốc Mỹ thi hành ở miền Nam Việt Nam là một hiện tượng hết sức mới mẻ và việc hiểu nó không thể “một sớm, một chiều”. Bên cạnh những thách thức bên ngoài, Hồ Chủ tịch và Đảng ta còn phải nỗ lực khắc phục hậu quả của chiến tranh và sai lầm trong cải cách ruộng đất để ổn định tình hình miền Bắc. Việc đề ra đường lối kháng chiến chống đế quốc Mỹ trong hoàn cảnh đó hoàn toàn không đơn giản, nhưng “chí ta đã quyết, lòng ta đã đồng” thì tất yếu con đường sẽ được tìm ra.

Dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trải qua nhiều hội nghị Trung ương Đảng và Bộ Chính trị, đường lối kháng chiến chống đế quốc Mỹ đã từng bước được hình thành. “Bước ngoặt” đầu tiên trong tư duy của Đảng về chiến tranh cách mạng chính là Nghị quyết Trung ương 15 khóa II (năm 1959) với chủ trương chuyển từ đấu tranh chính trị sang kết hợp giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, phát huy sức mạnh của đồng bào miền Nam để đánh đổ chế độ độc tài Ngô Đình Diệm, sẵn sàng chuyển từ khởi nghĩa từng phần sang chiến tranh cách mạng trường kỳ. Nghị quyết Trung ương 15 khi đi vào thực tế đã thổi bùng ngọn lửa căm hận của quần chúng cách mạng, tạo ra bước “nhảy vọt về chất” và bước chuyển thần kỳ cho cách mạng miền Nam.

Từ những chuyển biến tích cực của cách mạng miền Nam, Đại hội lần thứ III của Đảng (tháng 9/1960) đã chính thức thông qua đường lối tiên hành đồng thời 02 nhiệm vụ chiến lược ở 02 miền. Việc một Đảng duy nhất lãnh đạo đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược ở hai miền đề hướng tới mục tiêu giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước là điều chưa có tiền lệ, nhưng đó là lời giải duy nhất đúng cho “bài toán học búa” của cách mạng Việt Nam. Việc gắn kết độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh của tiền tuyến - hậu phương đã thể hiện tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta.

Với một cuộc kháng chiến kéo dài 21 năm, mục tiêu giải phóng miền Nam là không đổi nhưng đường lối phải không ngừng bổ sung phù hợp với quá trình vận động của chiến tranh cách mạng. Việc đế quốc Mỹ thi hành chiến lược Chiến tranh cục bộ, đổ quân trực tiếp tham chiến ở miền Nam và chiến tranh phá hoại miền Bắc đã đặt dân tộc Việt Nam trước câu hỏi lớn: Có dám đánh Mỹ hay không và nếu đánh thì đánh bằng cách nào? Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã đánh giá một cách khoa học, toàn diện “cái mạnh” của ta (tính chính nghĩa, tình đoàn kết, truyền thống yêu nước và sự ủng hộ của nhân loại tiến bộ) và “cái yếu” của kẻ thù (tính phi nghĩa, sự phân tán lực lượng do tham vọng toàn cầu, sự lúng túng trước mô hình chiến tranh nhân dân, sự mâu thuẫn giữa chủ trương thi hành “chủ nghĩa thực dân mới” và thực tế phải đổ quân tham chiến...). Trên cơ sở đó, Hội nghị Trung ương lần thứ 11 và lần thứ 12 (năm 1965) đã kết luận: Dù đế quốc Mỹ đổ quân trực tiếp tham chiến nhưng tương quan lực lượng vẫn không thay đổi lớn; Việt Nam quyết đánh Mỹ và sẽ thắng Mỹ. Thực hiện đường lối đó, miền Bắc nhanh chóng chuyển sang hoạt động thời chiến và miền Nam giữ vững thế tiến công. Kiên trì mục tiêu giải phóng miền Nam, căn cứ vào tình hình thực tế trên chiến trường, sau này Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã kịp thời bổ sung đường lối kháng chiến chống đế quốc Mỹ bằng những chủ trương mới, như phát huy vai trò của mặt trận ngoại giao (Hội nghị Trung ương lần thứ 13 năm 1967), mở chiến dịch Mậu Thân năm 1968 (Hội nghị Trung ương lần thứ 14 năm 1968) và thực hiện chiến lược “vừa đánh, vừa đàm” với đế quốc Mỹ. Năm 1969, trong bài thơ chúc Tết, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ phương thức kết thúc chiến tranh là “Đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào”⁽¹⁴⁾, tức là thực hiện nghệ thuật thắng từng bước, đánh đổ từng bộ phận để đi đến toàn thắng.

Có thể khẳng định, thắng lợi của cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ trước hết bắt đầu từ tính đúng đắn, sáng tạo của đường lối kháng chiến do Chủ tịch Hồ Chí Minh làm “tổng công trình sư”. Trong việc hoạch định đường lối, Hồ Chí Minh

đã thực hiện đúng quan điểm của V.I.Lênin: “người ta không thể chỉ dựa trên tình cảm cách mạng mà định ra một sách lược cách mạng được. Khi định ra sách lược phải trầm tĩnh, phải hết sức khách quan, tính đến *tất cả* mọi lực lượng”⁽¹⁵⁾. Ngay cả khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đã “đi xa”, từng bước tiến trong đường lối kháng chiến của Đảng vẫn “in đậm” dấu ấn tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh giải phóng với các đặc tính khoa học, cách mạng và nhân văn.

3. Chủ tịch Hồ Chí Minh với những dự báo thiên tài về cách mạng miền Nam

Không chỉ đóng vai trò quyết định trong hoạch định đường lối kháng chiến chống đế quốc Mỹ, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn dẫn dắt cuộc kháng chiến bằng những dự báo thiên tài.

Hồ Chủ tịch là người đầu tiên dự báo về việc Mỹ sẽ thay Pháp xâm lược Việt Nam. Sau thắng lợi ở Điện Biên Phủ đúng một ngày, Hồ Chủ tịch đã cảnh báo: “Thắng lợi tuy lớn nhưng mới là bắt đầu”⁽¹⁶⁾. Khi Đại tướng Võ Nguyên Giáp từ Điện Biên Phủ trở về, Người đã “bắt tay chúc mừng rồi nói: “Nhân dân ta còn phải tiếp tục chống Mỹ”⁽¹⁷⁾. Đến Hội nghị Trung ương lần thứ 6 khóa II (tháng 7/1954), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Đế quốc Mỹ thì đang biến thành kẻ thù chính và trực tiếp, mũi nhọn của ta phải chĩa vào đế quốc Mỹ”⁽¹⁸⁾. Phải nhấn mạnh rằng, lúc này, đế quốc Mỹ vừa bị tổn thất nặng nề trong chiến tranh Triều Tiên; ít ai nghĩ rằng, Mỹ lại tiến hành ngay chiến tranh xâm lược Việt Nam. Song, lịch sử đã diễn ra đúng như sự tiên đoán của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm dự báo thời điểm miền Nam hoàn toàn giải phóng. Trong bản thảo Diễn văn mừng Quốc khánh ngày 02/9/1960, Người viết: “Toàn dân ta đoàn kết nhất trí, bền bỉ đấu tranh, thì chậm lắm là 15 năm nữa, Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất, Bắc - Nam nhất định sẽ sum họp một nhà”. Báo tàng Hồ Chí Minh đã công bố bút tích Người khoanh tròn cụm từ “chậm lắm là 15 năm” như để nhấn mạnh mốc thời gian này và Thủ tướng Phạm Văn Đồng cũng xác nhận như thế⁽¹⁹⁾. Trong *Di chúc* viết năm 1965, Người khẳng

định, “cuộc kháng chiến chống Mỹ có thể sẽ kéo dài mấy năm nữa”⁽²⁰⁾, tức trong vòng 10 năm đổ lại.

Chủ tịch Hồ Chí Minh còn dự báo về việc Mỹ sẽ dùng B.52 đánh phá Hà Nội và sẽ thua sau khi thua trên bầu trời Hà Nội. Ngày 18/6/1965 là lần đầu tiên Mỹ dùng B.52 để ném bom căn cứ của ta ở huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương, nhưng từ năm 1962, Hồ Chí Minh đã nói với đồng chí Phùng Thế Tài: “Bây giờ chú là Tư lệnh Phòng không, vậy chú đã biết gì về B-52 chưa? Nói thế thôi chứ chú có biết cũng chưa làm gì được nó. Nó bay cao trên 10 cây số mà trong tay chú hiện nay mới chỉ có cao xạ thôi. Nhưng ngay từ nay, chú phải theo dõi chặt chẽ và thường xuyên quan tâm đến loại máy bay B-52 này”⁽²¹⁾. Năm 1968, Người còn tiên báo: “Ở Việt Nam, Mỹ sẽ nhất định thua, nhưng nó chỉ thua sau khi thua trên bầu trời Hà Nội”⁽²²⁾.

Được dẫn đường, cảnh báo bằng những tiên lượng sớm, chuẩn xác của một bậc vĩ nhân, quân và dân ta đã chủ động xây dựng kế hoạch ứng phó phù hợp và đẩy kẻ thù vào thế bị động, dẫn đến thất bại.

4. Chủ tịch Hồ Chí Minh với việc phát huy sức mạnh tổng hợp cho công cuộc giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh, trong chiến tranh, “thắng lợi không phải tự nhiên mà đến”⁽²³⁾; tuyệt đối không được trông chờ vào chuyện may rủi, tình cờ. Muốn giành thắng lợi trước cường địch, ta phải chủ động nâng cao sức mạnh về mọi mặt và sức mạnh đó phải được thể hiện trên chiến trường thông qua ý chí chiến đấu, nghệ thuật quân sự độc đáo của con người, của “Tổng hành dinh” và hiệu năng của vũ khí. V.I.Lênin từng nói, “thấy cuộc chiến đấu rõ ràng có lợi cho kẻ thù, chứ không có lợi cho ta mà cứ ngênh chiến, đó là tội ác”⁽²⁴⁾. Trong con người Hồ Chí Minh, ý chí “hề còn một tên xâm lược trên đất nước ta thì ta còn phải chiến đấu, quét sạch nó đi” luôn hòa quyện với lòng nhân ái “phải giữ gìn từng giọt máu của đồng bào để xây đắp tương lai của Tổ quốc”⁽²⁵⁾. Người tìm mọi phương cách

tạo dựng sức mạnh tổng hợp để Việt Nam giành chiến thắng với tổn hại nhỏ nhất có thể.

Trước hết, Hồ Chủ tịch phát huy cao độ vai trò lãnh đạo của Đảng - nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Trong quá trình lãnh đạo cuộc kháng chiến, với sự dẫn dắt của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta đã có những quyết định xuất sắc về chỉ đạo chiến lược. Sau khi đã có đường lối, Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu cán bộ cao cấp của Đảng: “nhất định phải biến quyết tâm của Đảng, của Trung ương thành quyết tâm của mỗi đảng viên, mỗi chiến sĩ, mỗi người dân”⁽²⁶⁾ trong việc tham gia vào sự nghiệp giải phóng miền Nam. Người còn bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kế cận luôn kiên định với mục tiêu giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, tiêu biểu nhất là đồng chí Bí thư thứ nhất Lê Duẩn. Điều này đặc biệt có ý nghĩa khi Chủ tịch Hồ Chí Minh “đi xa” mà miền Nam chưa được giải phóng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ đạo sát sao việc chuyển quân tập kết để giữ gìn lực lượng và tạo nguồn nhân lực cho cuộc kháng chiến giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước sau này. Thực hiện sự chỉ đạo của Người và sự phân công của tổ chức, cán bộ, đồng bào miền Nam đã nghiêm túc thực hiện phương châm “Đi vinh quang, ở anh dũng”. Thấu hiểu nỗi niềm của những người con xa quê, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có Thư gửi bộ đội và gia đình cán bộ miền Nam tập kết ra Bắc (tháng 9/1954), trong đó, Người nhấn nhủ: “Đến ngày hòa bình đã được củng cố, thống nhất được thực hiện, độc lập, dân chủ đã hoàn thành, đồng bào sẽ vui vẻ trở về quê cũ. Lúc đó, rất có thể tôi sẽ cùng đồng bào vào thăm miền Nam yêu quý của chúng ta”⁽²⁷⁾. Trước sự quan tâm, khích lệ, động viên của Chủ tịch Hồ Chí Minh, rất nhiều người trong số những cán bộ, chiến sĩ và nhân dân miền Nam tập kết ngày đó đã nỗ lực phấn đấu trở thành những lãnh đạo, tướng lĩnh cao cấp, nhà khoa học đầu ngành ở nhiều lĩnh vực với những đóng góp to lớn cho công cuộc giải phóng và tiếp quản miền Nam sau này.

Lãnh đạo cuộc kháng chiến không cân sức với kẻ thù về góc độ vật chất, Hồ Chí Minh đã rất thành công trong việc biến truyền thống văn hóa

Việt Nam thành sức mạnh vật chất, đặc biệt là truyền thống yêu nước và đoàn kết. Trong lịch sử dân tộc Việt Nam, yêu nước là “dòng chảy” bất diệt, là giá trị cao nhất trong hệ giá trị. Truyền thống đó đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh nâng lên một “chiều kích mới”. Người kêu gọi: “Lúc này chống Mỹ, cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng nhất của mọi người Việt Nam yêu nước”⁽²⁸⁾. Khi Mỹ leo thang chiến tranh, Lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước (năm 1966) của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thôi thúc toàn dân Việt Nam chung sức, đồng lòng chiến đấu để thống nhất non sông. Chủ tịch Hồ Chí Minh không những chỉ đạo phát động phong trào thi đua yêu nước trong mọi giới, mọi ngành, mà còn quan tâm, động viên, khích lệ các tầng lớp nhân dân tham gia các phong trào “Ba đảm đang”, “Ba sẵn sàng”, “Ba quyết tâm”, “Tay cày, tay súng”, “Tay búa, tay súng”... với tinh thần “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”.

Ở miền Nam, thực hiện lời kêu gọi của Người, quân, dân ta đã kiên cường dựng lên những “Vành đai diệt Mỹ” và chủ động “Tìm Mỹ mà đánh, tìm ngụy mà diệt”. Bằng niềm tin và khả năng khích lệ nhân dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã biến những con người Việt Nam bình dị thành những anh hùng vô danh và hữu danh, tạo ra ở Việt Nam một cảnh tượng kỳ lạ “ra ngõ gặp anh hùng”. Sừng sờ trước một Việt Nam nhỏ bé mà kiên định với mục tiêu thống nhất nước nhà, bạn bè coi “con người Việt Nam là niềm kiêu hãnh đầy bi tráng của thời đại chúng ta”⁽²⁹⁾ và cự chiến binh Mỹ ở Việt Nam đã khâm phục gọi đối thủ của mình là những người “chân trần, chí thép”⁽³⁰⁾.

Đối với dân tộc Việt Nam, đoàn kết đã trở thành truyền thống văn hóa và được Chủ tịch Hồ Chí Minh phát huy cao độ. Ở đâu và lúc nào Người cũng kêu gọi toàn quân, toàn dân “đoàn kết nhất trí triệu người như một, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”⁽³¹⁾. Đoàn kết không chỉ là động lực, mà còn là mục tiêu nên Hồ Chí Minh chỉ rõ: Đánh đuổi đế quốc Mỹ là để “đồng bào Nam, Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà”. Đối với một đất nước bị chia cắt lâu

dài, sự thống nhất về địa lý, về phương diện nhà nước rất quan trọng, nhưng quan trọng hơn là sự thống nhất, hòa hợp, hòa giải thực sự giữa những con người cùng một dân tộc. Đây chính là ý nghĩa sâu xa của cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ và chiều sâu trong tư tưởng đoàn kết của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Sau này, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Mỹ R.Mcnamara (giai đoạn 1961 - 1968) thừa nhận là họ đã “sai lầm khủng khiếp” khi “đánh giá thấp sức mạnh của chủ nghĩa dân tộc thúc đẩy một dân tộc... đấu tranh và hy sinh cho lý tưởng và các giá trị của nó”⁽³²⁾.

Hồ Chủ tịch đã phát huy cao độ sức mạnh của Quân đội nhân dân Việt Nam. Cuộc kháng chiến của Việt Nam mang tính toàn dân nhưng quân đội vẫn đóng vai trò nòng cốt. Nếu sức mạnh của một quân đội bao gồm rất nhiều yếu tố như vai trò lãnh đạo của Đảng, ý thức chính trị, sức mạnh tinh thần, trình độ tác chiến của người lính, trang bị vũ khí, công tác tổ chức, chỉ huy và sự ủng hộ của nhân dân,... thì Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kiên trì nâng cao sức mạnh của tất cả các yếu tố cấu thành đó. Người yêu cầu quân đội “phải luôn luôn phát triển cái kỷ luật nghiêm như sắt, cái tinh thần vững như đồng, cái chí khí quật cường bất thắng”⁽³³⁾. Dưới sự dẫn dắt của Người, Quân đội nhân dân Việt Nam đã đóng vai trò quyết định trong việc tạo ra sự thay đổi tương quan lực lượng trên chiến trường để đi đến ngày toàn thắng. Với truyền thống “Đã ra quân là đánh thắng”, Quân đội nhân dân Việt Nam xứng đáng là quân đội anh hùng của một dân tộc anh hùng. Khi thế giới thừa nhận quân đội ta là “đội quân được huấn luyện tốt, rất thiện chiến, hiện nay được coi là một trong những lực lượng bộ binh giỏi nhất thế giới”⁽³⁴⁾ thì công lao trước hết thuộc về Chủ tịch Hồ Chí Minh - người cha thân yêu của các lực lượng vũ trang Việt Nam.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kiên trì xây dựng miền Bắc thành hậu phương lớn của tiền tuyến lớn miền Nam. Khi đất nước rơi vào hoàn cảnh bị chia cắt lâu dài, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giải quyết đúng đắn “bài toán” về mối quan hệ giữa tiền tuyến và hậu phương bằng cách đề cao

vai trò “đầu tàu” của miền Bắc. Từ năm 1955, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Chúng ta phải ra sức củng cố miền Bắc thật vững mạnh để có thể chiểu cố miền Nam, chứ quyết không thể vì muốn chiểu cố miền Nam mà hạ thấp yêu cầu của miền Bắc... Miền Bắc phải là cái đầu tàu thật vững, thật tốt ấy để đưa cuộc đấu tranh chính trị của nhân dân ta đến thắng lợi hoàn toàn”⁽³⁵⁾. Năm 1956, Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tục khẳng định: “Miền Bắc là cái nền, cái gốc của cuộc đấu tranh hoàn thành giải phóng dân tộc, thực hiện thống nhất nước nhà”⁽³⁶⁾. Thực tế cho thấy, miền Bắc không chỉ quyết định sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, mà còn quyết định sự nghiệp giải phóng miền Nam có thành công hay không vì sự tiếp tế, chi viện sức người, sức của và bộ chỉ huy là từ miền Bắc mà ra. Để yên lòng những người lính ở nơi chiến trường, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm đến chính sách hậu phương quân đội, nhất là với các gia đình thương binh, liệt sĩ và có người ra trận. Trong *Di chúc*, Người cũng căn dặn chính quyền địa phương tuyệt đối không được để những gia đình chính sách bị đói rét. Với tầm nhìn chiến lược, Chủ tịch Hồ Chí Minh sớm chỉ đạo việc xây dựng các tuyến đường “huyết mạch”, như 559, 759, để chi viện cho miền Nam. Nhiều học giả phương Tây cho rằng, Mỹ thua ở Việt Nam là do không ngăn chặn được tuyến đường huyết mạch đó. Sau này, Đại hội Đảng lần thứ IV của Đảng khẳng định: “Không thể nào có thắng lợi của sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước nếu không có miền Bắc xã hội chủ nghĩa... Miền Bắc đã dốc vào chiến tranh cứu nước và giữ nước toàn bộ sức mạnh của chế độ xã hội chủ nghĩa và đã làm tròn một cách xuất sắc nghĩa vụ căn cứ địa cách mạng của cả nước”⁽³⁷⁾.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khéo léo “quốc tế hóa” chiến tranh Việt Nam. Khi nhân dân Việt Nam bước vào cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ thì thảm họa của Chiến tranh thế giới thứ II chưa lụi xa; trong nhân dân thế giới đang tồn tại tâm lý sợ Mỹ, sợ vũ khí của Mỹ và nỗi lo “đóm lửa cháy rừng”. Trong hoàn cảnh đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh, một mặt, chủ động hạn chế không gian chiến tranh trong phạm vi Việt Nam, mặt khác,

kiên trì làm cho nhân dân thế giới hiểu rõ ý nghĩa thời đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh, nhân dân Việt Nam đánh Mỹ là để bảo vệ hòa bình thế giới, bảo vệ quyền bình đẳng, quyền tự quyết của mọi dân tộc; do đó, ủng hộ Việt Nam đánh Mỹ chính là “thước đo” của tinh thần quốc tế trong sáng và lương tri, phẩm giá con người. Những lời “thấu lý, đạt tình” của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm xúc động triệu triệu trái tim yêu chuộng hòa bình trên thế giới. Nhờ đường lối ngoại giao đúng đắn do Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ đạo, không chỉ ba dân tộc Đông Dương đã chung một chiến hào diệt Mỹ, không chỉ các nước xã hội chủ nghĩa mà nổi bật là Liên Xô, Trung Quốc hết lòng ủng hộ Việt Nam đánh Mỹ và mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết với Việt Nam đã được thiết lập trên thực tế. Sức cảm hóa và uy tín quốc tế của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm cho nhân loại dành cho dân tộc Việt Nam nhiều thiện cảm và sự ủng hộ to lớn.

Không chỉ bằng đường lối, chiến lược, sách lược đúng đắn và sự chỉ đạo thực tiễn sát sao, chính niềm tin chiến thắng và tình cảm sâu nặng mà Hồ Chủ tịch dành cho đồng bào miền Nam là động lực mạnh mẽ để toàn thể nhân dân Việt Nam đạp bằng mọi chông gai đi đến ngày toàn thắng. Trong cuộc kháng chiến lâu dài, ác liệt như chiến tranh Việt Nam, niềm tin chiến thắng là điều vô cùng hệ trọng. Ở mọi thời điểm, bất kể là khi kẻ thù “leo thang” hay “xuống thang”, khi viện trợ quốc tế tăng hay giảm, Chủ tịch Hồ Chí Minh đều khẳng định sự tất thắng của nhân dân Việt Nam. Trong *Di chúc*, niềm tin ấy được khẳng định bằng nhiều cách khác nhau: năm 1965, Người nói rõ là cuộc kháng chiến sẽ chỉ “kéo dài *mấy năm nữa*”; năm 1968, Người bình thản viết kế hoạch tái thiết đất nước sau chiến tranh; năm 1969, Người khẳng định thắng lợi “là một điều chắc chắn”⁽³⁸⁾. Niềm tin ấy không phải là sự duy ý chí, mà là sản phẩm khoa học của việc nắm vững quy luật chiến tranh và niềm tin mãnh liệt vào sức mạnh của chính nghĩa, của nhân dân.

Tình cảm sâu nặng mà Hồ Chủ tịch dành cho đồng bào miền Nam chính là động lực để nhân dân miền Nam quyết tâm giải phóng để “trước Bác vào thăm, thấy Bác cười”. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nói “miền Nam yêu quý luôn ở trong trái tim tôi”, “Tôi đi đến nơi mà chưa về đến chôn”, “tôi chưa làm tròn nghĩa vụ cách mạng của tôi đối với đồng bào miền Nam” và lời dặn “nếu tôi qua đời trước ngày nước ta được thống nhất, thì nên gửi một ít tro xương cho đồng bào miền Nam”⁽³⁹⁾ đã làm muôn triệu trái tim xúc động. Việc Người tha thiết đề nghị Bộ Chính trị thu xếp cho Người vào miền Nam một chuyến hay từ chối mọi huân chương vì miền Nam chưa được giải phóng cho đến ý muốn uống chút nước dừa để vơi đi nỗi nhớ miền Nam trước khi qua đời⁽⁴⁰⁾ đã làm đau buốt mọi trái tim. Khi Người qua đời, toàn thể dân tộc Việt Nam đã biến đau thương thành hành động để thực hiện thành công lời thề đầu tiên trước linh sàng Người là giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Để giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, nhân dân Việt Nam đã phải đối diện với cuộc kháng chiến khốc liệt không chỉ ở ngoài mặt trận, mà còn trong số phận mỗi con người, mỗi gia đình với bao hy sinh thầm lặng. Điểm tựa tinh thần để họ chiến đấu và chiến thắng chính là Chủ tịch Hồ Chí Minh - “linh hồn” của cuộc kháng chiến. Vì vậy, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã nhấn mạnh: “Tư tưởng cách mạng và tư tưởng quân sự của Bác đã mang về thắng lợi trọn vẹn cho sự nghiệp giải phóng dân tộc”⁽⁴¹⁾. Chúng ta long trọng kỷ niệm 50 năm giải phóng miền Nam không phải để khơi lại lòng hận thù dân tộc, mà để thấu hiểu hơn giá trị của hòa bình, tri ân Chủ tịch Hồ Chí Minh và triệu triệu con người đã đổ máu vì sự nghiệp thống nhất nước nhà. Kỷ nguyên độc lập tự do, thống nhất đất nước do Chủ tịch Hồ Chí Minh tạo dựng chính là tiền đề để dân tộc Việt Nam tự tin bước vào thế kỷ “vươn mình”, thực hiện mong muốn cuối cùng của Người về “một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu

manh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”⁽⁴²⁾ □

- (1), (11) và (37) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.37, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.471, 484 và 490
 (2), (3) và (25) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.470, 280 và 299
 (4) *Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 và các Hiến pháp Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tr.12
 (5) và (27) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sdd, t.9, tr.226 và 60
 (6) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sdd, t.11, tr.264
 (7), (35) và (36) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sdd, t.10, tr.360, 144 - 145 và 350
 (8), (28) và (31) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sdd, t.14, tr.224, 533 và 534
 (9) Dẫn theo Vũ Khiêu, *Hồ Chí Minh - ngôi sao sáng mãi trên bầu trời Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012, tr.121
 (10), (14), (20), (23), (26), (38), (39) và (42) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sdd, t.15, tr.512, 532, 612, 14, 15, 618, 613 và 624
 (12) Võ Nguyên Giáp, *Thế giới còn đổi thay nhưng tư tưởng Hồ Chí Minh sống mãi*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2013, tr.235
 (13) Ban chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị: *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước - Thắng lợi và bài học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.109
 (15) và (24) V.I.Lênin, *Toàn tập*, t.41, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1977, tr.59 và 77
 (16) và (18) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sdd, t.8, tr.466, 551
 (17) Đại tướng Võ Nguyên Giáp - vị tướng của hòa bình (*Thư mục thông báo khoa học*), Nxb Văn hoá Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, 2009, tr.713
 (19) Phạm Văn Đồng, *Hồ Chí Minh - Tinh hoa và khí phách của dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012, tr.482
 (21) *Nguồn sức mạnh*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1992, tr.14
 (22) Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, *Sự nghiệp tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2002, tr.506-507
 (29) Blaga Dimitrova, *Ngày phán xử cuối cùng*, Nxb Thanh niên, Hà Nội, 2004, tr.53
 (30) James G.Zumwatt, *Chân trần chỉ thép*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2011
 (32) Robert S.Mcnamara, *Tám thăm kịch và những bài học về Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.316
 (33) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sdd, t.5, tr.371
 (34) Bernard Fall, *Những suy nghĩ cuối cùng về một cuộc chiến tranh*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2004, tr.134
 (40) *Bác Hồ với miền Nam, miền Nam với Bác*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2015, tr.66
 (41) Võ Nguyên Giáp, *Tổng hành dinh trong mùa Xuân toàn thắng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.343